

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 15

THẮNG TƯỚNG THỨ MƯỜI (Tiếp Theo)

L3. GIẢI THÍCH TRÍ SAI BIỆT TƯỚNG THÙ THẮNG (Tiếp Theo)

Luận nói: Lại nữa, cõi tịnh thanh tịnh của chư Phật Như Lai, tại sao phải biết?

Giải thích: Trong bảy niệm ở trước, thuyết minh sự an vui và giàu có lớn của Như Lai tức là cõi tịnh, trước chỉ nói tám người không thể đắc, hai thứ có thể đắc, nhưng chưa thuyết minh xứ sở của không thể đắc và có thể đắc, hiện tại muốn làm rõ xứ này cho nên hỏi tướng của tịnh Độ.

Luận nói: Như Kinh Ngôn Bách Thiên trong Bồ-tát Tạng duyên khởi nói.

Giải thích: Tổng nêu các Kinh cho nên nói “Như ngôn”. Trong Bồ-tát Tạng có riêng Kinh Tịnh Độ. Kinh có trăm ngàn bài kệ cho nên gọi là Kinh Bách Thiên. Lại nữa, Kinh Hoa Nghiêm có trăm ngàn bài kệ cho nên gọi là Kinh Bách Thiên, trong duyên khởi của Kinh này có nói rộng về tướng của cõi tịnh. Như vậy văn cú của cõi tịnh hiển những công đức gì?

Luận nói: Phật Thế Tôn tại nơi bảy báu trang nghiêm, quang minh sáng khắp.

Giải thích: 1. Kim. 2. Ngân. 3. Lưu ly. 4. Ma-sa-la. 5. A-du-ma-kiệt-bà. 6. Nhân-đà-ra-ni La. 7. Lô-hi-chi-kha-mục-đa. Mỗi mỗi bảo vật này quang minh đều chiếu sáng tất cả xứ. Xứ này lấy bảy báu trang nghiêm và Phật trụ trong đó.

Luận nói: Có thể phóng quang minh lớn phổ chiếu vô lượng thế giới.

Giải thích: Đây là thuyết minh nơi chỗ chiếu sáng của quang minh

bảy báu để giải thích nghĩa sáng khắp. Hai câu này thuyết minh sắc tướng tròn đầy và thanh tịnh.

Luận nói: Cõi vô lượng diệu sức, xứ xứ mỗi đều thành lập.

Giải thích: Đây là trang nghiêm hy hữu vô đẳng cho nên nói là Diệu sức. Có nhiều thứ trang sức vi diệu cho nên nói vô lượng, đất để du hành làm giới (cõi), đất để ở làm xứ. Mỗi mỗi cõi mỗi mỗi xứ đều trang nghiêm đầy cho nên nói thành lập. Câu này thuyết minh hình tướng tròn đầy và thanh tịnh.

Luận nói: Đại vực biên tế không thể đo lường.

Giải thích: Đường kính gọi là độ, chu vi gọi là lượng. Chu vi của mỗi mỗi cõi Phật, không phải phạm phủ lấy số do-tuần có thể đo lường được. Đây là thuyết minh lượng tròn đầy và thanh tịnh.

Luận nói: Ra khỏi hành xứ của ba cõi.

Giải thích: Ba cõi lấy tập đế làm hành, ba đế lấy khổ đế làm xứ. Tịnh độ không phải chỗ nhiếp của hai giới khổ và tập, cho nên nói ra khỏi hành xứ của ba cõi. Câu này thuyết minh xứ tròn đầy và thanh tịnh. Nếu không phải khổ đế và tập đế nhiếp thì lấy gì làm thể?

Luận nói: Chỗ sinh công năng của thiện pháp xuất thế.

Giải thích: Thiện của Nhị thừa gọi là xuất thế. Từ địa thứ tám trở lên đến Phật địa gọi là xuất xuất thế. Pháp xuất thế là đối trị của pháp thế gian. Xuất xuất thế pháp là đối trị của pháp xuất thế. Công năng lấy bốn duyên làm tướng. Từ công năng của pháp thiện xuất thế mà sinh khởi cõi Phật này, không lấy tập đế làm nhân. Câu này thuyết minh nhân tròn đầy và thanh tịnh. Những gì làm pháp thiện xuất xuất thế? Là thiện căn mà vô phân biệt trí và vô phân biệt hậu trí đã sinh gọi là pháp thiện xuất xuất thế.

Luận nói: Duy thức tối thanh tịnh tự tại làm tướng.

Giải thích: Duy thức trí của Bồ-tát và Như Lai là vô tướng vô công dụng cho nên nói là thanh tịnh, là tất cả chương không có thoái thất cho nên nói tự tại. Duy thức trí này làm thể của cõi tịnh, không phải lấy khổ đế làm thể. Câu này thuyết minh quả tròn đầy và thanh tịnh.

Luận nói: Chỗ trấn của Như Lai.

Giải thích: tướng của cõi tịnh như vậy, Như Lai hằng ở trong đó, rất là thượng thủ cho nên nói là trấn. Câu này thuyết minh chủ tròn đầy và thanh tịnh.

Luận nói: Trụ xứ an lạc của Bồ-tát.

Giải thích: Tự thọ hành chánh giáo, dạy người khác thọ hành chánh giáo gọi là an lạc. Bồ-tát nơi tịnh độ trợ Phật trợ đạo. Có đủ hai

sự này, cho nên gọi là trụ xứ an lạc. Câu này thuyết minh trụ tròn đầy và thanh tịnh.

Luận nói: Chỗ hành vô lượng của Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân.

Giải thích: Trong tịnh độ thật ra không có những chúng sinh này, nhưng muốn khiến cho bất không cho nên Phật hoá ra các tạp loại như vậy. Câu này thuyết minh quyến thuộc tròn đầy và thanh tịnh. Nếu có chúng sinh như vậy, thì các Bồ-tát lấy gì cho chúng ăn?

Luận nói: Chỗ trì đại pháp vị hỷ lạc.

Giải thích: Mười hai bộ Kinh của Đại thừa gọi là Đại pháp, lấy chân như giải thoát làm vị, duyên pháp vị này mà sinh hỷ lạc của các Bồ-tát, trưởng dưỡng năm phần Pháp thân của các Bồ-tát. Câu này thuyết minh trì Đại thừa. Pháp vị thực này khởi những nghiệp gì?

Luận nói: Tất cả chúng sinh, tất cả sự lợi ích làm dụng.

Giải thích: Phạm phu và ba thừa gọi là hết thảy chúng sinh. Tùy chúng sinh có thể vì thuyết chánh giáo, khiến cho như nói đó mà tu hành, lìa bốn ác đạo, lìa sinh tử, lìa hành tự ái của Nhị thừa, nên gọi là tất cả lợi ích. Câu này thuyết minh nghiệp tròn đầy và thanh tịnh. Nếu Bồ-tát đối với chúng sinh hành các nghiệp như vậy thì năng hành và hành xứ được lợi ích gì?

Luận nói: Chỗ lìa tất cả tai hoạ phiền não.

Giải thích: Tập đế của ba cõi gọi là tất cả phiền não. Khổ đế của ba cõi gọi là tất cả tai hoạ. Cả hai thứ này đều lìa có thể hành hạnh và xứ. Câu này thuyết minh sự lợi ích tròn đầy và thanh tịnh. Nếu các pháp như vậy, có các thứ kinh sợ khác hay không?

Luận nói: không phải chỗ hành xứ của tất cả ma.

Giải thích: Trong tịnh độ không có ám ma, phiền não ma, tử ma, thiên ma, nên lìa hết thảy sợ hãi. Câu này thuyết minh không sợ hãi tròn đầy và thanh tịnh. Nếu trong tịnh độ không có tất cả sợ hãi, thì chỗ thọ dụng pháp của sáu căn đều có đủ hay không?

Luận nói: Hơn tất cả trang nghiêm, Như Lai trang nghiêm y xứ.

Giải thích: Không phải chỉ có tất cả sự thọ dụng đầy đủ tối thắng vô song, nhưng còn là sự chiêu cảm hành nhân phước đức và trí tuệ viên mãn của Như Lai, thắng báo của Như Lai y chỉ tại xứ này do đó mà tối thắng. Câu này thuyết minh trụ tròn đầy và thanh tịnh. Trong tịnh độ lấy pháp gì làm đường đi ra vào?

Luận nói: Đại niệম tuệ hạnh xuất ly.

Giải thích: Chánh pháp của Đại thừa gọi là đại pháp. Trong đại

pháp thì Văn tuệ gọi là niệm, Tư tuệ gọi là tuệ, tu tuệ gọi là hạnh. Ba pháp này đối với cõi tịnh là đường đi qua lại, cho nên gọi là xuất ly. Câu này thuyết minh đường tròn đầy và thanh tịnh. Nếu có đường này thì lấy pháp gì để làm xe?

Luận nói: Đại Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na làm thừa (xe).

Giải thích: Năm trăm định trong Đại thừa gọi là Xa-ma-tha, trí như lý như lượng gọi là Tỳ-bát-xá-na, lấy hai thứ này làm cỗ xe. Câu này thuyết minh cỗ xe tròn đầy và thanh tịnh. Nếu có cỗ xe này, thì từ cửa nào đi vào?

Luận nói: Đại không, vô tướng, vô nguyện, giải thoát môn mà vào xứ.

Giải thích: Ba giải thoát môn trong Đại thừa, một thể do vô tánh cho nên không. Vì không cho nên vô tướng, vì vô tướng cho nên vô nguyện, hoặc đến môn này mà được vào Tịnh độ. Câu này thuyết minh môn viên tịnh. Địa luân của thế gian và thế giới nương vào Thủy luân, Thủy luân nương vào Phong luân, Tịnh độ nương vào pháp nào?

Luận nói: Là chỗ vô lượng công đức tụ, trang nghiêm Đại liên hoa vương làm y chỉ.

Giải thích: Lấy hoa sen lớn thí dụ chỗ làm rõ pháp giới chân như của Đại thừa. Hoa sen tuy trong bùn nước, nhưng không bị bùn nước làm nhiễm ô. Lại nữa, tánh của hoa sen tự mở ra, là thí dụ cho tự mở ra của tánh Chân như. Chúng sinh nếu chứng tánh này thì đều được giác ngộ. Lại nữa, hoa sen là chỗ hút nhụy của bầy ong, thí dụ cho pháp giới chân như là chỗ dụng của Thánh chúng. Lại nữa, hoa sen có bốn đặc tính: 1. Hương. 2. Tịnh. 3. Nhu nhuyễn. 4. Khả ái, để thí dụ cho pháp giới chân như tổng có bốn đức là thường lạc ngã tịnh. Trong nhiều hoa, là tối đại tối thắng cho nên gọi là chúa, để thí dụ cho pháp giới chân như tối thắng trong tất cả pháp. Hoa này làm chỗ trang nghiêm của vô lượng sắc tướng công đức tụ, có thể làm chỗ y chỉ của tất cả pháp, để thí dụ pháp giới chân như làm chỗ trang nghiêm của vô lượng công đức xuất thế. Pháp giới chân như có thể làm chỗ y chỉ của tịnh độ. Lại nữa, sự chiêu cảm hoa sen báu của nguyện lực Như Lai trong các hoa là tối đại tối thắng cho nên gọi là chúa. Chỗ trang nghiêm của vô lượng sắc tướng công đức, có thể làm chỗ y chỉ của tịnh độ. Câu này thuyết minh y chỉ tròn đầy thanh tịnh. Trong tịnh độ, pháp nào là trụ xứ của Như Lai?

Luận nói: Đại bảo trùm các, Như Lai trụ trong đó.

Giải thích: Đây là thuyết minh riêng trụ xứ của Như Lai. Như thế gian thọ dụng khí thế giới, có vô lượng lỗi. Nếu thọ dụng tịnh độ thì có

công đức gì ?

Luận nói: Như vậy tịnh độ thanh tịnh làm rõ sắc tướng tròn đầy thanh tịnh, hình mạo viên mãn thanh tịnh, lượng viên mãn thanh tịnh, xứ viên mãn thanh tịnh, nhân quả viên mãn thanh tịnh, chủ viên mãn thanh tịnh, trợ viên mãn thanh tịnh, quyến thuộc viên mãn thanh tịnh, trì nghiệp tròn đầy thanh tịnh, lợi ích viên mãn thanh tịnh, không sợ hãi viên mãn thanh tịnh, trụ xứ viên mãn thanh tịnh, đường đi tròn đầy thanh tịnh, cỗ xe viên mãn thanh tịnh, môn viên mãn thanh tịnh, y chỉ viên mãn thanh tịnh. Do văn cú trước, các thứ viên mãn thanh tịnh như vậy đều được hiển hiện. Lại nữa, thọ dụng như vậy tịnh độ thanh tịnh, hoàn toàn tịnh, hoàn toàn lạc, hoàn toàn không lỗi, hoàn toàn tự tại.

Giải thích: Hằng không tạp uế cho nên nói hoàn toàn tịnh. Chỉ thọ diệu lạc không khổ không xả cho nên nói hoàn toàn lạc. Chỉ là toàn thiện không có ác và vô ký cho nên nói hoàn toàn không lỗi, tất cả sự đều không quán ngoại duyên, đều do nội tâm tạo thành cho nên nói hoàn toàn tự tại. Lại nữa, nương vào thanh tịnh lớn lao mà nói hoàn toàn tịnh, nương vào sự an vui lớn lao mà nói hoàn toàn lạc, nương vào sự tồn tại vĩ đại mà nói hoàn toàn không mất, nương vào đại ngã mà nói hoàn toàn tự tại. Nếu Bồ-tát niệm phú lạc của Như Lai thì nên như vậy mà biết.

Luận nói: Lại nữa, pháp giới của chư Phật hằng thời phải thấy có năm nghiệp.

Giải thích: Trong đây phải thuyết minh nghiệp của Pháp thân, nhưng nói “pháp giới của chư Phật” là vì muốn làm rõ Pháp thân hàm chứa năm nghĩa của pháp giới cho nên chuyển gọi là pháp giới. năm nghĩa: 1. Tánh nghĩa, lấy vô nhị ngã làm tánh. Tất cả chúng sinh đều không vượt qua tánh này. 2. Nhân nghĩa, là các pháp tứ niệm xứ của tất cả Thánh nhân đều duyên pháp này mà sinh trưởng. 3. Tạng nghĩa, là chỗ ẩn nấp của tất cả pháp hư vọng, không phải chỗ có thể duyên đến của phàm phu và Nhị thừa. 4. Nghĩa chân thật, là vượt qua thế gian pháp. Thế gian pháp hoặc tự nhiên mà hoại, hoặc do đối trị mà hoại, nghĩa chân thật là hai thứ hoại này. 5. Thâm thâm nghĩa, nếu cùng với nghĩa này tương ứng thì tự tánh trở thành tịnh thiện, nếu bên ngoài không tương ứng thì tự tánh trở thành chê trách. Do Pháp thân hàm chứa năm nghĩa của pháp giới, chư Bồ-tát phải thấy Pháp thân hằng cùng với năm nghiệp tương ứng không có lúc nào tạm lìa.

Luận nói: 1. Cứu tại hoại làm nghiệp. Do chỉ có các tai hoạ tật bệnh phiền não hiện tại đui, điếc, cuồng... có thể diệt trừ.

Giải thích: Đây là thuyết minh lực đại bi, nếu là định nghiệp báo của chúng sinh, thì Như Lai trong đó không có tự tại, điều này giải thích như trước. Nếu là bất định nghiệp báo, hoặc tội lỗi hiện tại, hoặc có đối trị nghiệp, chúng sinh như vậy nếu đến chỗ Phật, thì tác ý và bất tác ý của Như Lai đều có khả năng khiến họ lìa những tai họa này.

Luận nói: 2. Cứu tế ác đạo làm nghiệp. Từ ác xứ dẫn ra, an lập nơi thiện xứ.

Giải thích: Đây là thuyết minh lực chánh hạnh. Tác ý và bất tác ý của Như Lai, nếu tất cả chúng sinh đều đến chỗ Phật thì đều dứt ác hành thiện.

Luận nói: 3. Cứu tế hạnh phi phương tiện làm nghiệp. Các gia hạnh phi phương tiện của ngoại đạo, hàng phục và an lập vào chánh giáo của Phật.

Giải thích: Đây là thuyết minh oai đức lực. Các ngoại đạo phần nhiều hành phi phương tiện, hoặc thường thấy ngoại đạo phần nhiều hành khổ hạnh vì kế chấp có đời vị lai, hoặc ngoại đạo đoạn kiến phần nhiều hành lạc hạnh vì kế chấp không có đời vị lai, hoặc nghĩ rằng trời tự tại là đạo, hoặc nghĩ rằng ngã là đạo, hoặc nghĩ rằng tự tánh là đạo, hoặc nghĩ rằng ngã trong tự tánh là đạo. Các thứ tư duy như vậy đều là phi phương tiện hạnh. Như Lai dùng thông tuệ dẫn dắt, hàng phục cống cao ngã mạn đó, dùng ký tâm để dẫn dắt và hàng phục bất tín của họ, dùng chánh giáo dẫn dắt và hàng phục tà kiến của họ. Khi đã hàng phục, thì tùy theo căn tánh của họ mà an lập vào ba thừa chánh giáo.

Luận nói: 4. Cứu tế hạnh thân kiến làm nghiệp. Vì vượt qua ba cõi, có thể làm rõ chỉ dẫn phương tiện của Thánh đạo.

Giải thích: Đây là thuyết minh lực phương tiện, hết thấy chúng sanh trong ba cõi không có lìa thân kiến. Thân kiến, hoặc là chỗ thành của nhiều vật. Thể thì vô thường cho nên gọi là thân, là chỗ làm thành của năm ấm hoà hợp cho nên gọi là vật. Khi chưa có hữu tồn tại thì đã có diệt, cho nên gọi là vô thường. Ngoại đạo đối với nhiều kế chấp là một, đối với vô thường chấp thường, cho là một là thường là ngã. Vì phá tà kiến cũng chẳng phải một chẳng phải thường này cho nên gọi là thân kiến. Nếu lìa thân kiến thì được vượt qua tập ba cõi, vượt qua khổ ba cõi. Nói chánh giáo gọi là hiển. Sanh ba tuệ kia là dẫn đường. Từ khổ pháp nhãn trở đi cho đến A-la-hán quả thì gọi là Thánh đạo, từ khi xuất gia thọ giới cho đến thế đệ nhất pháp là phương tiện Thánh đạo, hiển thị đạo khiến cho tu phương tiện đắc Thánh đạo, lại Như Lai khiến cho chúng sanh lìa thân kiến ra khỏi ba cõi. Đó chưa phải là chơn thật Thánh

đạo, mà chỉ là Thánh đạo phương tiện, trước làm rõ chỉ dẫn khiến cho tu phương tiện Thánh đạo, để làm nhân duyên đắc chân thật Thánh đạo.

Luận nói: 5. Cứu Tế thừa làm nghiệp. Chư Bồ-tát muốn hành riêng thừa khác, và Thanh-văn chưa quyết định căn tánh, có thể an lập các vị đó tu hành Đại thừa.

Giải thích: Đây là thuyết minh chân thật giáo lực. Thừa thì có nhân và pháp. Nhân thì có người Đại thừa và người Tiểu thừa, pháp thì có phương tiện thừa pháp và chánh thừa pháp, chuyển phương tiện thừa tu trị chánh thừa gọi là cứu tế thừa. Kinh Ma-ha Bát-nhã nói: Thừa có ba nghĩa: 1. Tánh nghĩa. 2. Hạnh nghĩa. 3. Quả nghĩa”, là chỗ làm rõ ba vô tánh của Nhị không. Chân như gọi là tánh, do tánh này mà tu mười độ mười địa gọi là hạnh. Do tu hạnh này mà chứng đắc tứ đức rốt ráo Thường lạc ngã tịnh gọi là quả. Lại nữa, Trung Biên Luận nói thừa có năm nghĩa: 1. Xuất ly làm thể, gọi là chân như. 2. Phước tuệ làm nhân có thể dẫn xuất. 3. Chúng sinh làm nhiếp, như căn tánh nhiếp cho nên khiến đến cực quả. 4. Vô thượng Bồ-đề làm quả, hành rốt ráo đến quả này. 5. Ba hoặc làm chướng, trừ ba hoặc này thì thành bốn nghĩa trước. Chư Bồ-tát trong mười tám vị, tu hạnh lớn chưa kiên cố, còn nhiều sự chán sợ sinh tử, tâm từ bi đối với chúng sinh cũng còn mỏng yếu, vui muốn bỏ bản nguyện Đại thừa để tu đạo Tiểu thừa, cho nên nói “muốn hành riêng thừa khác”, Tiểu thừa là nói Thanh-văn, nếu đắc tín... năm căn thì không gọi là định căn, vì chưa đắc Thánh quả. Nếu đắc vị tri dục tri... ba căn thì gọi là định căn, vì đắc Thánh đạo. Nếu đến đánh vị thì không gọi là định tánh, vì chưa thoát khỏi bốn ác đạo. Nếu đến nhẫn vị thì gọi là định tánh vì đã thoát khỏi bốn ác đạo. Nếu nương Tiểu thừa giải thích, căn tánh chưa quyết định thì có thể chuyển Tiểu thừa thành Đại thừa. Nếu căn tánh đã quyết định thì không thể chuyển được. Thanh-văn như vậy thì không có nghĩa chuyển Tiểu thừa thành Đại thừa. Như thế nào mà được nói là Nhất thừa? Hiện tại nương vào Đại thừa giải thích, khi chưa chuyên tu Bồ-tát đạo, thì đều gọi là căn tánh chưa quyết định, tất cả Thanh-văn đều có thể chuyển thành Đại thừa, an lập người Đại thừa và người Tiểu thừa như vậy, để khiến cho tu hành Đại thừa.

Luận nói: Trong năm nghiệp như vậy, phải biết chư Phật Như Lai cùng chung nghiệp này.

Giải thích: Chúng sinh ở thế gian đối với năm nghiệp thì không đồng. Năm nghiệp của chư Phật thì không có gì mà không đồng nghĩa.

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Muốn làm rõ nghiệp của bất đồng chúng sinh, chư

Phật thì đồng nghiệp cho nên nói kệ.

Luận nói:

*Nhân, y, sự, ý và các hành,
Vì khác nhau mà nghiệp khác nhau.*

Giải thích: Đây là thuyết minh năm nghiệp bất đồng của chúng sinh: 1. Nhân bất đồng. 2. Y bất đồng. 3. Sự bất đồng. 4. Ý bất đồng. 5. Hành bất đồng. Nhân bất đồng là như nhân riêng thành địa ngục, nhân riêng thành trời, nhân riêng thành cõi người, ngạ quỷ, súc sinh cũng như thế, do nhân bất đồng cho nên tạo nghiệp bất đồng. Y bất đồng, y tức là thân, do thân bất đồng cho nên tác nghiệp bất đồng. Sự bất đồng như trong cõi người, hoặc mua bán, hoặc cày cấy, hoặc sự thờ vua quan, các sự như vậy bất đồng cho nên nghiệp bất đồng. Y bất đồng là tất cả căn dục tánh của chúng sinh gọi là Y. Tất cả những thứ này bất đồng cho nên nghiệp bất đồng. Hành bất đồng, là sắc... năm ấm gọi là các hành, trong sắc ấm như chỗ tạo tác của lửa khác với chỗ tạo tác của nước... chỗ tác của thọ khác với chỗ tạo tác của tưởng... cho nên nghiệp bất đồng. Do năm sự này, nên người kia làm không phải sự tạo tác của người này. Người ngu và người trí của thế gian đều thừa nhận nghiệp của nó có khác nhau.

Luận nói:

*Năm loại khác nhau, Phật không có,
Đưa dẫn thế gian đồng một nghiệp.*

Giải thích: Năm sự trước đối với chư Phật đều không có. Tại sao vậy? Chư Phật nhân đồng nhau, vì đồng tu hạnh phước đức và trí tuệ. Chư Phật Y đồng nhau, vì đồng một Pháp thân. Sự của Phật đồng nhau, vì đồng có việc tự lợi và lợi tha của chư Phật ý đồng, vì đồng có ý an lạc lợi ích chúng sinh. Chư Phật không có Chư hành nào đồng, vì đồng ra khỏi pháp hữu vi. Do không có năm sự sai biệt này cho nên đều đồng một nghiệp. Do đại bi dẫn đường chúng sinh đều hướng đến Niết-bàn cho nên gọi là đưa dẫn thế gian.

Luận nói: Nếu như thế thì không phải chỗ đắc chung của Thanh-văn và Độc-giác. Như vậy nhiều đức tương ưng với Pháp thân của chư Phật, thì chư Phật lấy ý gì mà nói chúng sinh kia đều nhắm tới Nhất thừa đồng với Phật Thừa”?

Giải thích: Nếu chư Phật không có năm sự trước khác nhau, do Pháp thân mà năm sự đều đồng. Người Nhị thừa có năm nghiệp khác nhau, không đắc Pháp thân, không có năm nghiệp đồng nhau, Như Lai vì nghĩa gì mà nói người Nhị thừa đồng nhắm tới Nhất thừa đều được

thành Phật?

Luận nói: Trong đây nói Kệ.

Giải thích: Vì làm rõ nói ý Nhất thừa cho nên nói kệ. Kệ trước lấy việc rõ nghĩa nói Nhất Thừa, kệ sau lấy nghĩa bí mật nói Nhất Thừa.

Luận nói:

*Thanh-văn chưa định tánh,
Và chư Bồ-tát khác,
Nơi Đại thừa dẫn dắt,
Định tánh nói Nhất Thừa.*

Giải thích: Có các Thanh-văn, đối với căn tánh Tiểu thừa chưa quyết định, muốn dẫn cho tin thọ Đại thừa, nhiếp khiến cho tu hành Đại thừa, tức là chưa đắc thì khiến cho đắc, đã đắc thì giúp cho không thoái chuyển. Tại sao hàng Thanh-văn đó chưa bỏ đạo Tiểu thừa, đối với Đại thừa mà nhập Niết-bàn? Phật vì ý này mà Ngài nói Nhất thừa, dẫn dắt khiến cho nhập trụ Đại thừa.

Luận nói: Và dẫn dắt các Bồ-tát khác đối với Đại thừa.

Giải thích: Có các Bồ-tát đối với căn tánh Đại thừa chưa quyết định, làm sao an lập họ đối với Đại thừa, muốn bỏ Đại thừa, đối với Tiểu thừa mà nhập Niết-bàn? Vì ý này cho nên Phật nói Nhất Thừa, dẫn dắt khiến cho nhập trụ Đại thừa.

Luận nói: Định tánh nói Nhất thừa.

Giải thích: Có các Bồ-tát, đối với Đại thừa căn tánh đã quyết định, không có ý thoái lui, Phật nói vì Bồ-tát này nói Nhất thừa.

Luận nói:

*Pháp vô ngã giải thoát,
Pháp đồng, tánh bất đồng,
Đắc hai ý Niết-bàn,
Nói cứu cánh Nhất Thừa.*

Giải thích: Do pháp, do vô ngã, do giải thoát cho nên nói Nhất thừa. Pháp trong đây tức là chân như. Tất cả ba thừa đều không lìa chân như, là chỗ xứng với thừa pháp của các pháp kia. Do chân như pháp đồng nhau cho nên nói tất cả pháp của Nhất thừa chỉ có pháp không có nhân (người). Nếu người thật không có thì làm sao phân biệt? Người này là Thanh-văn, người này là Độc giác, người này là Bồ-tát? Phân biệt như vậy không đúng đạo lý! Do nghĩa vô ngã đồng nhau cho nên nói Nhất thừa. Người ba thừa đồng giải thoát hoặc chướng, như Phật nói giải thoát cùng với giải thoát không có sai biệt. Do nghĩa của diệt hoặc đồng nhau cho nên nói ba nghĩa của Nhất Thừa. Vì đồng nhau cho nên

nói pháp đồng.

Luận nói: Tánh bất đồng.

Giải thích: Có người Nhị thừa, đối với thừa mình mà căn tánh bất đồng, người này tuy cầu Nhị thừa đạo, nhưng chưa đắc Nhị thừa. Do căn tánh Nhị thừa chưa quyết định, có thể chuyển thành căn tánh Đại thừa. Vì hoá độ người này cho nên nói Nhất thừa.

Luận nói: Đắc hai ý Niết-bàn.

Giải thích: Trong hai ý, ý thứ nhất gọi là ý bình đẳng đối với chúng sinh. Các hàng Thanh-văn đối với tất cả chúng sinh khởi ý như vậy, chúng sinh tức là ta, ta tức là chúng sinh. Do ý này mà chúng sinh kia đắc chánh giác tức là ta đắc chánh giác, ta đắc chánh giác tức là chúng sinh kia đắc chánh giác, như ta đáng giải thoát tự thân thì cũng đáng như vậy giải thoát giải thoát chúng sinh, vì ý như vậy cho nên nói Nhất Thừa. Ý thứ hai gọi là ý bình đẳng với pháp, là các hàng Thanh-văn, Như Lai trong Kinh Pháp Hoa, thọ ký cho họ đã đắc Phật ý, chỉ đắc pháp như ý bình đẳng, chưa đắc Pháp thân của Phật. Nếu đắc pháp Như ý bình đẳng này thì chúng sinh kia khởi suy nghĩ thế này: Pháp Như của Như Lai tức là pháp Như của Ta. Do như vậy cho nên nói nhất Thừa. Lại nữa, pháp Hoa trong Đại Tập, có Các Bồ-tát tên đồng Tôn giả Xá-lợi-phất. Các Bồ-tát này được ý này, Phật vì thọ ký cho nên nói Nhất thừa. Lại nữa, Phật hoá làm Thanh-văn Xá-lợi-phất, vì họ mà thọ ký vì muốn khiến cho Thanh-văn căn tánh đã quyết định càng luyện tập căn tánh thành Bồ-tát. Thanh-văn căn tánh chưa quyết định khiến cho tu thẳng Phật đạo rồi từ Phật đạo mà nhập Niết-bàn. Như Phật nói: Ta nay đã biết rõ trong đời quá khứ, đã từng trải qua vô lượng vô số kiếp nương vào Thanh-văn thừa mà nhập Niết-bàn. Vì muốn chỉ rõ Tiểu thừa không phải là nơi cứu cánh, giúp họ bỏ Tiểu thừa mà cầu Đại thừa, cho nên hiện làm sự này. Do nghĩa như vậy cho nên nói Nhất thừa.

Luận nói: Nói cứu cánh Nhất thừa.

Giải thích: Nếu nghĩa thừa chỉ có Nhất thừa là thừa, còn các thứ không phải là thừa, thì nếu vượt qua thừa này, vì không có hạnh riêng. Các thừa khác có Thượng thừa được gọi là Phật Thừa. Do nghĩa này, nếu thừa kia so với thừa này, thì thừa này vô đẳng, thừa kia diệt mất cho nên gọi là cứu cánh. Do nghĩa này cho nên nói Nhất thừa.

Luận nói: Ba đời chư Phật nếu chung một Pháp thân, thì tại sao số của thế gian đối với Phật bất đồng?

Giải thích: chư Phật đã đồng đắc một Pháp thân, tại sao có ba đời? Lại còn có nhiều hơn nữa. Nếu có ba đời và nhiều hơn nữa, thì tại sao

nói một?

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Có nhân chứng cho chư Phật hoặc một hoặc nhiều, bây giờ vì muốn làm rõ nghĩa này cho nên nói kệ. Hoặc một là sao?

Luận nói:

*Vì trong một cõi không có hai,
Đồng thời nhân thành không thể lường,
Thứ tự thành Phật là phi lý,
Một thời nhiều Phật nghĩa này thành.*

Giải thích: Một pháp giới bình đẳng, chư Phật là chỗ làm rõ của pháp giới. Do pháp giới là một cho nên chư Phật là một. Kế đó trong một thời đối với một thế giới, không có hai Phật đồng thời xuất hiện cho nên nói hoặc là một. Thế nào hoặc là nhiều?

Luận nói: Đồng thời nhân thành không thể lường.

Giải thích: Trong một thời có vô số chư Bồ-tát, đồng thời tu hai hạnh phước đức trí tuệ, nhân đã thành thực. Nếu không đồng thời mà đắc quả Vô thượng Bồ-đề thì sự tu hành bị bỏ luống. Vì các Bồ-tát tu nhân, đồng thời thành tựu, đồng thời đắc quả. Trong một thời mà có nhiều Bồ-tát thành Phật thì không thể độ lượng. Nếu nói nhân thì tuy cùng thành, nhưng chẵn trước và sau thứ tự thành Phật. Nghĩa đó không đúng. Tại sao vậy?

Luận nói: Thứ tự thành Phật là phi lý.

Giải thích: Các Bồ-tát không khởi nguyện như vậy: Ta đang chờ theo thứ tự thành Phật. Do nguyện cho nên nhân tuy thành tựu nhưng chờ thứ tự. Đã không có nguyện này thì tại sao nhân đồng thời thành thực, không đồng thời đắc quả? Tại sao nhiều người đồng thời tu nhân mà không quán thứ tự? Trong khi đắc quả thì quán thứ tự, cho nên nghĩa này không có lý.

Luận nói: Một thời nhiều Phật nghĩa này thành.

Giải thích: Câu này thuyết minh trong một thời, thì ở mười phương thế giới có vô lượng Phật đồng thời xuất thế. Nếu có Phật đã trải qua chứng nơi thế gian, chỉ có một Như Lai thì không có nghĩa đồng thời xuất thế, tức nghĩa đó không đúng. Kinh nói: Vô xứ, vô vị, Phi tiền, Phi hậu thì hai Như Lai A-la-ha Tam-miệu-tam Phật-đà xuất hiện nơi thế gian, có xứ, có vị thì một Như Lai xuất hiện nơi thế gian, ví như hai Chuyển luân vương không, được đồng thời cùng sinh một xứ. Kinh này vì đang nói về ba ngàn đại thiên thế giới không có hai Như Lai. Vì đang nói tất cả thế giới không có hai Như Lai, nên phải giải thích tường tận.

Kinh này nói tất cả thế giới, tại sao vậy? Vì không nên chướng ngại giới hạn khả năng thù thắng của Thế Tôn. Chỉ có một vị Thế Tôn đối với tất cả xứ có năng lực vượt trội hơn hết. Nếu một vị Phật không thể đối với các xứ khác hoá độ chúng sinh thì chư Phật khác cũng phải không thể được. Lại có Kinh nói: Xá-lợi-phất! Nếu có người đến ông hỏi vậy: Đại đức Xá-lợi-phất! Trong lúc này có Sa-môn Bà-la-môn, cùng với Sa-môn Cù-đàm luôn bình đẳng đối với Vô thượng Bồ-đề hay không? Ông nghe câu hỏi này rồi nên đáp như thế nào? Xá-lợi-phất bạch Phật: Nếu có người đến chỗ của con mà hỏi như vậy, thì con sẽ đáp như thế này: Thiện nam tử! Trong lúc này không có Sa-môn Bà-la-môn cùng với Thế Tôn luôn bình đẳng đối với Vô thượng Bồ-đề. Tại sao vậy? Bạch Thế Tôn! Con đã nghe từ miệng an lành của Thế Tôn, từ sở đắc của Thế Tôn, vô xứ, vô vị, vô tiền, vô hậu thì hai Như Lai cùng xuất hiện nơi đời, hữu xứ, hữu vị thì chỉ có một Như Lai xuất hiện nơi đời. Nếu như thế tại sao trong Kinh phạm Vương, Phật nói: Chỉ có trong ba ngàn đại thiên thế giới, Ta tự tại thành tựu. Ngôn giáo như vậy là riêng có mật ý. Nếu Thế Tôn không khởi ý, chỉ có tâm vô công dụng trong tự tánh, đối với ba ngàn đại thiên thế giới, ngôn ngữ quang minh, năm thức... các sự tự nhiên được thành. Nếu tâm có công dụng thì vô biên thế giới là cảnh của Như Lai. Lại nữa, có các bộ khác nói, đối với các thế giới khác riêng có chư Phật xuất thế, tại sao vậy? Vì có vô lượng Bồ-tát đồng thời tu hành lục độ, nhân đã thành thực không thể tính đếm, nhưng không có đạo lý chư Phật trong một xứ, một thời cùng sinh, không có riêng pháp nào có thể chướng ngại Phật kia xuất thế tại xứ khác, cho nên quyết định biết tại thế giới khác, riêng có chư Phật xuất thế. Kinh này chứng minh chư Phật không đồng một thời xuất thế, ví như Chuyển luân vương, nay đang biện rõ Kinh này. Nếu Kinh này nói một thế giới thì một vị Phật xuất thế, thì không hại các xứ khác. Nếu nói tất cả thế giới một vị Phật xuất thế, thì các Chuyển Luân Vương khác nơi thế giới khác không phải được sinh, đã nói Chuyển Luân Vương không đồng thời sinh, ví như chư Phật, ông nếu thừa nhận thế giới khác riêng có Chuyển luân vương thì tại sao không thừa nhận chư Phật không xuất thế tại các thế giới khác? Phật xuất hiện nơi đời là niềm an vui lớn lao, tại sao không thừa nhận nơi nhiều thế giới có nhiều Phật xuất thế? Điều này không có lỗi. Thế gian có nhiều chúng sinh cùng với tối thắng lợi ích tương ứng, tại sao đối với một thế giới mà hai vị Phật không đồng thời xuất hiện? Vì vô dụng! Lại nữa, tùynguyện đời trước, cho nên Bồ-tát khi xưa khởi nguyện như vậy: Nguyện Ta đối với thế giới mù tối

không có người đưa dắt đến nơi, được thành chánh giác, chiếu ánh sáng dẫn đường cho các chúng sinh ấy. Do nguyện này cho nên không có hai Phật đồng thời xuất hiện. Nếu như thế tại sao chỉ nói một Phật, không nói nhiều Phật? Vì khiến cho chúng sinh khởi cực tôn trọng và mau chóng tu hành. Tại sao vậy? Nếu chỉ đối với một Phật thì khởi tâm tôn trọng cực độ, là người khác thì không có đức như vậy, cũng có thể mau chóng tu hành chánh giáo của Như Lai. Tại sao vậy? Vì chư Phật nếu nhập Niết bàn thì chúng ta không có chỗ quy y. Cho nên kệ nói “Một thời nhiều Phật nghĩa này thành.

Luận nói: Làm sao biết được Pháp thân của chư Phật không phải hoàn toàn Niết-bàn, cũng không phải không hoàn toàn Niết-bàn?

Giải thích: Có luận sư nói chư Phật Như Lai không vĩnh viễn nhập Niết bàn. Các bộ Thanh-văn thừa khác nói chư Phật Như Lai vĩnh viễn nhập Niết bàn. Hai thứ chấp này không phải là nói rõ nghĩa, mà là chỗ làm rõ của mật ý.

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Vì làm rõ nghĩa này cho nên nói kệ.

Luận nói:

*Do lià tất cả chướng,
Phải làm chưa rốt ráo,
Phật hoàn toàn Niết-bàn,
Không hoàn toàn Niết-bàn.*

Giải thích: Chư Phật đã vĩnh viễn giải thoát hoặc chướng và trí chướng, cho nên hoàn toàn Niết-bàn. Như Lai phải làm chánh sự chưa rốt ráo, tức là chúng sinh chưa thành thực thì khiến cho thành thực, đã thành thực thì khiến cho giải thoát. Hai sự này không thể bỏ phước, cho nên Như Lai hoàn toàn không Niết-bàn. Nếu như Nhị thừa hoàn toàn Niết-bàn thì bản nguyện của Như Lai chỉ có nguyện mà không có quả. Nếu nói rõ nghĩa thì phải nói có Niết-bàn, có không có Niết-bàn.

Luận nói: Tại sao thân thọ dụng không thành thân tự tánh?

Giải thích: Ứng thân không thành Pháp thân là hợp đạo lý. Ứng thân thành Pháp thân là phi đạo lý. Phi nghĩa này làm sao biết được?

Luận nói: Do sáu thứ nhân.

Giải thích: Có sáu thứ nhân chứng minh là phi nghĩa.

Luận nói: 1. Do sắc thân và hành thân hiển hiện.

Giải thích: Mười nhập là sắc thân. Thọ... là hành thân. Chư Phật lấy pháp chân như làm thân. Sắc và hành trong Pháp thân là không nắm bắt, Ứng thân thì không như vậy. Nghĩa này như thế nào? Tất cả trí,

đại định, đại bi... là công đức hằng hà sa số của Như Lai, tuy nương vào Pháp thân, nhưng nếu khi hiển hiện thì không lìa Hóa thân. Hóa thân này tương tự Phật, khác với tất cả chúng sinh, làm sự tương của Ứng thân, cho nên sắc và hành đối với Ứng thân là có, đối với Pháp thân thì không có, do đó Ứng thân không thành Pháp thân. Đạo lý đúng trở thành đạo lý sai.

Luận nói: 2. Do vô lượng xứ đại tập sai biệt hiển hiện.

Giải thích: Ứng thân có sai biệt, là do sự tập hợp của đệ tử Phật có sai biệt. Ứng thân có thể tập hợp chúng đệ tử của chư Bồ-tát, Pháp thân thì không như vậy. Tại sao vậy? Vì thông tuệ lớn có thể tập hợp chúng Bồ-tát. Thông tuệ lớn tức là Ứng thân, có thể thuyết chánh pháp, lập nghĩa, giải thích nghi, đây là công dụng của Bát-nhã. Bát-nhã tức là Ứng thân. Ngày đêm sáu thời quán căn tánh của chúng sinh, đến chỗ chúng sinh làm việc lợi ích là công dụng của đại bi. Đại bi tức là Ứng thân. Nếu cho Ứng thân là Pháp thân thì không thể tập hóa Bồ-tát. Nếu cho Pháp thân là Ứng thân thì chư Phật không phải thường trụ. Do sai biệt này hiển hiện cho nên Ứng thân không phải Pháp thân.

Luận nói: 3. Tùydục lạc kiến của kia, hiển hiện tự tánh bất đồng.

Giải thích: Kia là nói vô lượng Bồ-tát. Dục lạc là quán các đức của Như Lai, chỉ nương vào Ứng thân mà quán. Tùydục lạc đó mà sự thấy nhiều đức hiển hiện không đồng. Như vậy, tự tánh của Ứng thân bất định, vì nhiều chủng loại. Pháp thân không như thế, cho nên Ứng thân không thành Pháp thân. Lại có Kinh khác làm chứng Ứng thân tùy theo dục lạc của chúng sinh mà hiện tướng không đồng. Tại sao vậy? Vì có chúng sinh đối với Ứng thân muốn thấy sắc vàng sắc xanh... và lạc thọ xả thọ... thức và vô thức... các thức bất đồng đều được thành. Kinh làm rõ tự tánh của Ứng thân bất định. Pháp thân thì không như thế, cho nên Ứng thân không thành Pháp thân.

Luận nói: 4. Biệt dị biệt dị kiến, tự tánh biến động hiển hiện.

Giải thích: Có một chúng sinh, trước thấy tướng dị biệt của Ứng thân này hiển hiện, sau đó chúng sinh này thấy lại có dị biệt tướng nữa hiển hiện, như một người thấy không đồng, các chúng sinh khác thấy cũng như thế, để thành thực thiện căn cho chúng sinh này, trước hết là hiện tướng thô, kế đó hiện tướng trung bình và sau cùng là hiện tướng vi diệu. Ứng thân có tướng biến động đó. Pháp thân thì không như thế, cho nên Ứng thân không thành Pháp thân.

Luận nói: 5. Bồ-tát, Thanh-văn, Thiên... khi chủng chủng đại tập

xen lẫn nhau hoà hợp thì sự xen lẫn hiển hiện.

Giải thích: Ứng thân hằng thời, do nhiều loại vôn tập xen lẫn nhau khi nghe pháp của Bồ-tát. Ứng thân có ba thứ tạp lẫn: 1. Tất cả chúng sinh mỗi mỗi đều thấy Phật, đều đối với trước đó, cho nên gọi là tạp lẫn. 2. Tùy vô lượng chúng sinh sắc tướng bất đồng, Phật giống như sắc tướng đó cho nên gọi là tạp lẫn. 3. Tùy chỗ thích nghi của căn tánh chúng sinh, đại trí, đại định và đại bi có vô lượng sự ứng dụng, cho nên gọi là tạp lẫn. Ứng thân có tạp lẫn này, Pháp thân thì không như thế. Nếu lấy Pháp thân làm Ứng thân thì Phật không có sự lợi ích cho chúng sinh. Nếu lấy Ứng thân làm Pháp thân thì Phật không có nghĩa hiện đời an lạc, vì hằng não động không tịch tĩnh, cho nên Ứng thân không thành Pháp thân.

Luận nói: 6. A-lê-da thức và sinh khởi thức thấy chuyển y, là phi đạo lý.

Giải thích: A-lê-da thức và sinh khởi thức tức là thân thọ dụng. Hai thức này chuyển y gọi là Pháp thân. Nếu thân tự tánh tức là thân thọ dụng thì hai thức chuyển y này đắc thân gì? Do đây mà phi đạo lý! Vì thân thọ dụng không thành thân tự tánh. Nếu thân thọ dụng là thân tự tánh thì không có các đức của đại trí. Do đều có các đức, cho nên thân tự tánh không thành thân thọ dụng.

Luận nói: Cho nên thân thọ dụng không có đạo lý thành thân tự tánh.

Giải thích: Do sáu nhân này chứng biết nghĩa của đạo lý và phi đạo lý.

Luận nói: Thế nào là thân biến hóa không thành thân tự tánh?

Giải thích: Thân biến hóa không thành Pháp thân là đạo lý đúng. Thân biến hóa thành Pháp thân là đạo lý sai. Nghĩa đúng và sai làm sao biết được?

Luận nói: Do tám thứ nhân.

Giải thích: Có tám thứ nhân làm chứng nghĩa đúng và sai.

Luận nói: 1. Chư Bồ-tát từ lâu xa đến nay, đắc không thoái chuyển Tam-ma-đề, trong cõi trời Đâu-suất-đà và cõi người thọ sinh. Đạo lý này không đúng”!

Giải thích: Bồ-tát từ sơ địa cho đến mười địa trải qua ba mươi đại kiếp A-tăng-kỳ, đắc năm trăm thứ định bất thoái chuyển, lia dục của ba cõi đã lâu thì không có đạo lý nào mà sinh vào cõi trời, huống chi có đạo lý đối với cõi người. Sinh vào chủng tộc Thích-ca vương để hoá độ chúng sinh hạ phẩm, mà hiện thọ thân người. Thân này không có nhân,

nhưng đối với thế gian là có cho nên không phải quả báo thân và thân tự tánh, mà chỉ là thân biến hóa.

Luận nói: 2. Chư Bồ-tát từ lâu xa đến nay hằng nhớ chỗ ở đời trước.

Giải thích: Bồ-tát từ Sơ địa cho đến Thập địa, trong thời gian dài hằng nhớ mạng đời trước, chỗ đắc vô lượng kỹ năng trước kia đều không quên mất.

Luận nói: Các sách luận về Phương thổ, kế toán, số lượng, ấn tướng và công xảo, trong hành dục trần và thọ dụng dục trần, nếu Bồ-tát không biết thì không đúng đạo lý”!

Giải thích: Có sáu mươi bốn loại sách khác nhau nói về phương thổ; thừa số, trừ số... mười sáu phép tính về số lượng, lia thừa số, trừ số... mười sáu thứ quán tụ mà biết số nhiều hay ít. Quán tụ thì biết lượng nhiều hay ít. Dùng mộc ấn in lên vật để làm tướng, hoặc tăng hoặc giảm, hoặc thủ giữ hoặc kén chọn. Sáu mươi bốn kỹ năng và mười tám minh xứ, sáu mươi bốn kỹ xảo bí thuật pháp của vua, chưa được khiến cho được, đã được khiến cho tăng trưởng, đã tăng trưởng thì phó chúc cho người thiện. Để hành dục trần, các sự trong lục trần như ca múa, hoà hợp, xiêm y, vui đùa... gọi là thọ dụng dục trần. Bồ-tát từ vô lượng kiếp đến nay, thường nhớ chỗ tu tập tất cả kỹ năng của đời trước đều không quên mất, không có đạo lý nào đối với các sự mà không biết không nhớ. Vì hoá độ chúng sinh mà làm rõ làm người hạ phẩm có thể chuyển thành thượng phẩm, làm rõ tự thân chưa có kỹ năng này cần phải tu học, cho nên thân này là thân biến hóa, không phải thân tự tánh không phải thân thọ dụng.

Luận nói: 3. Chư Bồ-tát từ lâu xa đến nay, đã nhận biết giáo pháp tà chánh, mà còn đi thờ phụng làm thầy ngoại đạo, là không đúng đạo lý.

Giải thích: Chư Bồ-tát đối với ba mươi ba đại kiếp A-tăng-kỳ, trong chánh hạnh tu chánh cần, phước đức và trí tuệ đều đã viên mãn, không có đạo lý nào mà đối với tối hậu thân, không hiểu rõ tà thuyết chánh thuyết khác nhau. Nếu không có hiểu biết này, khi đắc Phật quả thì hiểu biết pháp nào? Vì muốn hàng phục các ngoại đạo mà hiện làm sự này, do đó thân này là thân biến hóa, không phải hai thân kia.

Luận nói: 4. Chư Bồ-tát từ lâu xa đến nay, đã thông đạt chánh lý của ba thừa của Thánh đạo, vì cầu đạo cho nên tu hạnh khổ hư vọng. Không đúng đạo lý”!

Giải thích: Chư Bồ-tát từ ba mươi ba đại kiếp A-tăng-kỳ đến nay,

đã thông đạt chánh lý của ba thừa Thánh đạo, lìa chấp đoạn và thường, không tu theo khổ hạnh hoặc ham vui, là chánh lý của Nhị thừa Thánh đạo. Bỏ chấp có chấp không, lìa tất cả phân biệt, tu chánh hạnh cảnh trí vô phân biệt, là chánh lý Thánh đạo của Bồ-tát. Khổ hạnh của ngoại đạo có thể diệt các pháp đã đắc nhưng không thể đắc các pháp chưa đắc, trong hai đời chỉ có tổn hại vô ích cho nên gọi là hư vọng, không có đạo lý nào mà Bồ-tát phải tập hành sự này, chỉ vì hoá độ chúng sinh mà làm rõ tu khổ hạnh, vì không có quả báo mà hiện hành sự này, do đó thân này là thân biến hóa, không phải hai thân kia.

Luận nói: 5. Chư Bồ-tát xả năm trăm Câu-chi Diêm-phù-đề, nơi một xứ đắc Vô thượng Bồ-đề và Chuyển Pháp Luân. không đứng đạo lý” !

Giải thích: Khi Bồ-tát tu đạo, đầy khắp vạn ức Diêm-phù-đề thành thực vạn ức Diêm-phù-đề chúng sinh. Khi thành Phật thì phải thọ thân đầy khắp, nhưng quả báo thân chỉ nên có một, không nên có nhiều. Nếu như vậy tại sao không riêng nơi một thắng xứ mà thọ thân? Vì Hóa thân khắp tất cả xứ hành hoá độ, không có đạo lý nào mà xả vạn ức Diêm-phù-đề, để thiên về một Diêm-phù-đề mà thành Phật chuyển pháp luân. Vì hoá độ chúng sinh khiến cho biết Phật xuất thế mà hiện làm sự này, cho nên thân này là thân biến hóa, không phải hai thân kia.

Luận nói: 6. Nếu lìa phương tiện làm rõ Vô thượng Bồ-đề, chỉ lấy Hóa thân đối với phương khác làm Phật sự, nếu như thế thì phải ở trên cõi trời Đâu-suất-đà mà thành chánh giác.

Giải thích: Nếu ông chấp chỉ đối với một xứ Diêm-phù-đề đắc Vô thượng Bồ-đề, thì các xứ khác không có phương tiện nhập thai. Nơi xứ khác chỉ cần hiện Hóa thân làm Phật sự, tại sao không chấp như Bồ-tát này? Trên cõi trời Đâu-suất-đà đắc Vô thượng Bồ-đề, đối với các xứ khác hiện Hóa thân làm Phật sự, cho nên thân này là thân biến hóa, không phải hai thân kia.

Luận nói: 7. Nếu không như thế tại sao Phật trong tất cả Diêm-phù-đề bình đẳng xuất hiện? Nếu không xuất hiện ở phương khác, thì không có A-hàm và đạo lý nào có thể làm chứng cho nghĩa này.

Giải thích: Nếu không ở trong cõi trời mà đắc Bồ-đề, thì phải đắc khắp tất cả, nhưng Bồ-tát đối với tất cả bốn thiên hạ, không khắp đắc Vô thượng Bồ-đề, chỉ đối với một xứ mà đắc, không có A-hàm và đạo lý nào có thể làm chứng cho nghĩa này, cho nên thân này là thân biến hóa, không phải hai thân kia.

Luận nói: 8. Hai Như Lai cùng hiện trong một thế giới, điều này không trái nhau, nếu thừa nhận Hóa thân thành nhiều thân.

Giải thích: Một Sa-ha thế giới có hai Như Lai cùng xuất hiện, điều này cùng với nghĩa không trái nhau. Tại sao vậy? Vì thừa nhận Hóa thân thành nhiều thân, nơi nơi có Hóa thân, điều này không có gì trở ngại, cho nên thân này là thân biến hóa, không phải hai thân kia.

Luận nói: Do bốn thiên hạ nhiếp một thế giới, như Chuyển Luân Vương, đối với một thế giới hoặc là một chủ, hoặc là khác chủ đồng thời sinh, không đúng đạo lý ! Chư Phật cũng vậy”!

Giải thích: Nhân theo chứng cứ này có thể nói có một thế giới như vậy. Trong một trăm Câu-chi thế giới, trong đó không thấy Phật, nếu ông nói như vậy thì trái với Kinh. Có thuyết như vậy là hai Phật không một lúc đồng thời trong tam thiên đại thiên thế giới, ví như Chuyển Luân Vương, trong đây ông phải phán đoán Kinh này đồng nghĩa với Chuyển Luân Vương, như hai Chuyển Luân Vương trong một thế giới thì không được đồng thời sinh, không hại cho sự cùng sinh của thế giới khác. Hai Như Lai cùng sinh là phi đạo lý, thì nghĩa phán đoán cũng vậy!

Luận nói: Trong đây nói Kệ.

Giải thích: Vì hiển nghĩa cụ tướng Vô thượng giác cho nên nói kệ này.

Luận nói:

*Phật vi tế Hóa thân,
Đa nhập thai bình đẳng,
Vi hiển đủ tướng giác,
Nơi thế giới thị hiện.*

Giải thích: Phật trên cõi trời Đâu-suất-đà, giáng hạ thọ thai nơi Diêm-phù-đề, trong lúc đó Như Lai hoá làm tất cả Phật tử, cũng như sự thọ thai của Tôn giả Xá-lợi-phất... Nếu an lập tướng đầy đủ Vô thượng giác kia thì được hiển hiện. Nếu không có thừa dưới và thừa giữa thì không được hiển hiện Phật là Vô Thượng. Nếu không có trí tuệ cạn hẹp của Nhị thừa thì không được hiển Phật là tướng đầy đủ. Vì làm rõ nghĩa này cho nên Hóa thân xuất hiện nơi đời, chư Phật Như Lai không phải hoàn toàn Niết-bàn. Bây giờ sẽ làm rõ nghĩa này.

Luận nói: Có sáu thứ nhân mà chư Phật Thế Tôn trong Hóa thân không được vĩnh viễn trụ.

Giải thích: Có sáu nhân làm chướng cho Phật cần phải xả Hóa thân.

Luận nói: 1. Chánh sự cứu cánh, vì thành thực giải thoát chúng

sinh.

Giải thích: chánh sự Hóa thân của Như Lai đã rốt ráo, Hóa thân không vĩnh viễn trụ, thành thực chúng sinh khiến cho được giải thoát, là chánh sự của Hóa thân, chúng sinh đã thành thực giải thoát, cho nên gọi là chánh sự cứu cánh.

Luận nói: 2. Nếu đã đắc giải thoát, cầu bát Niết bàn, là khiến cho chúng sinh kia xả bỏ ý bát Niết bàn, muốn cầu đắc thân Phật thường trú.

Giải thích: Nếu đã giải thoát các hoặc chướng, cầu Vô Dư Niết-bàn, thì chuyển đổi ý đó, muốn làm rõ Hóa thân không phải thật có cho nên xả Hóa thân, mà làm rõ riêng Pháp thân thường trú là chân thật có, phải chuyển tâm cầu Vô dư Niết-bàn của Tiểu thừa mà cầu Pháp thân thường trú. Hóa thân không vĩnh viễn trụ.

Luận nói: 3. Vì trừ cái tâm khinh mạn của họ đối với Phật, nên giúp họ thông đạt pháp chân như sâu xa và pháp chân chánh.

Giải thích: Họ là tất cả chúng sinh, cho rằng Phật có sinh lão bệnh tử không khác mình, cho nên khởi tâm khinh mạn Như Lai. Muốn khiến cho họ biết thân chân thật và thân giả danh của Như Lai, nên biết thân chân thật tức là pháp chân như và thuyết chánh pháp. Pháp chánh thuyết từ chân như pháp lưu xuất gọi là thân chánh thuyết. Hai thân này gọi là Pháp thân. Pháp này tối thậm thâm khó có thể thông đạt, không phải cảnh giới của người hạ vị. Nếu thông đạt thân này thì đối với Như Lai khởi tâm tôn trọng tuyệt đối. Thân giả danh tức là Hóa thân, hiển thân này là phân biệt sự tạo tác không phải chân thật có. Hóa thân không trụ vĩnh viễn.

Luận nói: 4. Vì khiến chúng sinh đối với Phật thân khởi tâm khát ngưỡng, thấy luôn không chán đủ.

Giải thích: Nếu hằng trụ một Hóa thân thì chúng sinh mới cảm thấy sinh khát ngưỡng, sau đó thì nhạt dần và hết khát ngưỡng. Nếu sắc hình đã cải biến các thứ hy hữu thì chúng sinh luôn luôn cảm thấy càng mới và khát ngưỡng thì không có chán đủ. Hóa thân không vĩnh viễn trụ.

Luận nói: 5. Vì khiến cho họ hướng đến tự thân mà khởi tinh tấn tột đỉnh, do biết người chánh thuyết là bất khả đắc.

Giải thích: Nếu Phật hằng trụ Hóa thân, thì chúng sinh không khởi tưởng rằng khó gặp Phật, cho nên Như Lai xả Hóa thân, khiến cho họ biết Phật không trụ lâu ở đời, mà dựng lại siêng năng hết sức, mau gấp độ tự thân không xét đến việc khác. Lại nữa, lấy tự thân làm chứng

đúng sai của điều đó, gọi là nhắm vào tự thân, cho nên Hóa thân không trụ vĩnh viễn.

Luận nói: 6. Vì khiến cho họ mau chóng đắc Chí thành thực vị, vì hưởng tự thân không xả mà đắm đang tinh tấn tột đỉnh.

Giải thích: Trước thuyết minh cho ai chưa tu chánh cần thì khiến họ tu chánh cần. Ở đây thì thuyết minh nếu đã tu chánh cần thì khiến họ không bỏ chánh cần, tu tập định tuệ mau chóng đắc viên mãn, cho nên Hóa thân không vĩnh viễn trụ.

Luận nói: Trong đây nói Kệ.

Giải thích: Vì nhiếp sáu nhân trước khiến cho người hay quên dễ được nhớ chắc, cho nên trung thuyết kệ.

Luận nói:

*Do chánh sự cứu cánh,
Vì trừ lạc Niết-bàn,
Khiến bỏ khinh mạn Phật,
Phát khởi tâm khát ngưỡng.
Khiến hưởng thân tinh tấn,
Và vì mau thành thực,
Chư Phật nơi Hóa thân,
Không phải hoàn toàn trụ.*

Giải thích: Như Lai không vĩnh viễn nhập Niết bàn. Bây giờ sẽ làm rõ nghĩa này.

Luận nói: Vì độ tất cả chúng sinh, do phát nguyện và tu hành, tâm cầu Vô thượng Bồ-đề, hoàn toàn nhập Niết bàn. Sự này không đúng đạo lý”!

Giải thích: Như Lai khi xưa trong địa nguyện lạc, vì độ chúng sinh mà phát các thặng nguyện, cầu Vô thượng Bồ-đề. Trong kiến vị... vì độ chúng sinh mà tu các thặng hạnh, tâm cầu Vô thượng Bồ-đề. Nếu đắc cực quả mà bỏ chúng sinh để nhập Niết bàn thì không đúng đạo lý! Tại sao vậy?

Luận nói: Bản nguyện và tu hành, trái nhau không kết quả.

Giải thích: Bồ-tát khi xưa vì độ chúng sinh, Phát nguyện và tu hành, khiến cho Ta trong tương lai thường có thể lợi ích tất cả chúng sinh, lợi ích chúng sinh tức là nguyện hạnh quả. Hiện tại đắc quả tối thượng, nếu bỏ chúng sinh để vĩnh viễn nhập Niết bàn thì trái với bản ý của nguyện tu hành. Nguyện hạnh chỉ có quả tự lợi ích, không có quả lợi tha. Như Lai không vĩnh viễn nhập Niết bàn, cho nên tương ứng với hữu quả.

Luận nói: Lại nữa, thân thọ dụng và thân biến hóa là vô thường. Tại sao chư Phật lấy pháp thường trụ làm thân?

Giải thích: Nếu Như Lai không vĩnh viễn nhập Niết bàn thì Như Lai lấy pháp thường trụ làm thân, thân thọ dụng và thân biến hóa không phải là thường, nếu là thường thì tại sao nói lấy pháp thường trụ làm thân?

Luận nói: Do Ứng thân và Hóa thân hằng tựa vào Pháp thân.

Giải thích: Pháp thân là gốc của hai thân kia. Gốc đã thường trụ, ngọn nương vào gốc mà hằng tồn tại tương tục, cho nên Ngọn cũng tương tục.

Luận nói: Do Ứng thân không lìa bỏ.

Giải thích: Như Lai tự viên mãn đức và lợi ích Chư Bồ-tát, hai sự này cùng với Như Lai hằng không lìa nha. Hai sự này tức là Ứng thân, cho nên phải thường trụ.

Luận nói: Do số của Hóa thân khởi hiện.

Giải thích: Hóa thân vì độ chúng sinh cho đến cùng tận sinh tử, không có thời gian của một sát-na nào mà không tương tục, thị hiện đặc Vô thượng Bồ-đề và nhập Niết bàn. Tại sao vậy? Vì chỗ độ chúng sinh hằng hữu, đại bi của Như Lai không bỏ phế, cho nên Hóa thân cũng là thường trụ.

Luận nói: Như hằng thọ lạc, như hằng thí thực, hai thân Thường trụ phải như vậy mà biết.

Giải thích: Vì hiển thị hai thân thường trụ cho nên dẫn hai sự này. Như thế gian nói người hằng thọ lạc, người hằng thí thực, không phải hai sự thọ lạc và thí thực liên tục vô gián mà gọi là đó là thường hằng, chỉ do hai nghĩa gốc và sự không đoạn mà gọi là thường hằng. Hai thân cũng vậy, do hai nghĩa gốc và sự không đoạn gọi là thường trụ.

Luận nói: Nếu Pháp thân từ vô thủy không sai biệt, không có số lượng.

Giải thích: Nếu Pháp thân vốn có từ vô thủy, thì đối với tất cả chúng sinh không có sai biệt, không thể độ lượng. Chư Phật do Pháp thân đối với tự lợi và lợi tha có đủ năng lực thù thắng. Chúng sinh vì đắc Pháp thân, dùng pháp nào để tinh tấn tu đạo?

Luận nói: Vì đắc Pháp thân, không nên không khởi công dụng.

Giải thích: Tuy không nên không khởi công dụng như thế, nhưng không có tự nhiên chứng đắc Pháp thân.

Luận nói: Trong đây nói Kế.

Giải thích: Vì giải thích vấn nạn này, cho nên nói kế.

Luận nói:

*Chư Phật chứng bình đẳng vô lượng,
Là nhân chúng sinh hoặc xả cần,
Chứng đắc hằng lúc không thành nhân,
Đoạn trừ chánh nhân, không đúng lý”!*

Chư Phật chứng đắc bình đẳng với vô lượng nhân đó.

Giải thích: Phật quá khứ và hiện tại chứng đắc Pháp thân, chứng đắc không có cao thấp cho nên nói bình đẳng. Công đức có được không có giới hạn quyết định cho nên nói vô lượng. Chứng đắc như vậy là nhân chánh cần cầu đắc Pháp thân của chúng sinh.

Luận nói: Chúng sinh hoặc nếu bỏ siêng năng.

Giải thích: Chứng đắc này nếu chúng sinh bỏ nhân của chánh cần, thì như chỗ kế chấp như trước, là không phải tự mình siêng tu, mà do người khác độ giùm.

Luận nói: Chứng đắc hằng lúc không thành nhân.

Giải thích: Chư Phật chứng đắc Pháp thân thì tất cả là có. Nếu lìa tự mình siêng năng thì sự chứng đắc này không thành nhân tự chứng đắc. Tại sao vậy? Nếu là nhân thì từ xưa đến nay không trở lại phàm phu, đều do người khác độ giùm. Đã không có nghĩa này cho nên tuy có chứng đắc nhưng không thành tự nhân.

Luận nói: Đoạn trừ chánh nhân là không đúng đạo lý”!

Giải thích: Chánh cần và chứng đắc tương ứng gọi là chánh nhân. Nếu trừ hai thứ này thì không đúng đạo lý. Lại nữa, nhân có hai thứ: 1. Phương tiện nhân. 2. Chánh nhân. Chư Phật chứng đắc là phương tiện nhân, vì thuộc người khác. Tự tu chánh cần là chánh nhân, vì nương vào tự thân. Nếu trừ bỏ chánh nhân mà lưu giữ nhân phương tiện, thì việc này không đúng đạo lý, vì không thể thành tựu sở nguyện của chính mình. Lại nữa, có Chư Bồ-tát, lấy từ bi trang sức tương tục, đối với chúng sinh khởi tâm niệm thương yêu, đều tưởng như con. Không khởi ý này là lợi ích sự của chúng sinh, nguyện cho người khác làm, tự ta không làm mà thường khởi ý đó. Nếu người khác hoặc làm hoặc không làm, thì tự ta chắc chắn phải làm. Nếu chúng sinh không xứng tâm Bồ-tát mà khởi chánh cần thì không được nghĩa lợi ích của Bồ-tát, cho nên chánh cần là chánh nhân thứ nhất chứng đắc Pháp thân. Nhân này không thể đoạn trừ. Nếu đoạn trừ nhân này mà do nơi người khác đắc Pháp thân là sự không có.

Luận nói: Trong Kinh A-tỳ-đạt-ma Đại thừa tạng gọi là nhiếp Đại thừa, đây là chánh thuyết cứu cánh.

Do nương lời Phật và đạo lý,
 Nói luận vì tự được thanh tịnh,
 Vì lợi người trí tín chánh hạnh,
 Vì lập chánh pháp khiến trụ lâu.
 Nương chứng ánh sáng trăng bảo điện,
 Như người mắt sáng thấy nhiều màu,
 Nương Tam Giải tôn đủ trí bi,
 Thông đạt luận thuyết cũng như vậy.
 Hoặc nghĩa chân thật xứng pháp cú,
 Giải trừ phiền não trong ngoài tâm,
 Hiện công đức của Niết-bàn đạo,
 Thánh ngôn thì đúng, ngoài đều sai.
 Nếu loạn nhân tâm nói như vậy,
 Có thể làm rõ Phật Vô thượng sư,
 Tùy thuận tư lương đạo Niết-bàn,
 Đầu đội lời này như Phật dạy.
 Đời không người tuệ giỏi hơn Phật,
 Đủ trí thông chân lý không sót,
 Là Phật tự hiểu pháp không động,
 Hoặc trái chánh pháp do Phật dạy.
 Nếu báng Thánh nhân và chánh pháp,
 Chỗ tạo kiến chấp mê của người,
 Trong đời này trí lìa ba nhiễm,
 Như áo nhuộm sạch không cấu bẩn.
 Trí độn lìa tín và pháp thiện,
 Pháp họa tà mạn không hết chấp,
 Tham lợi tà kiến thờ pháp oán,
 Lìa nguyện thù thắng chê chánh pháp.
 Nơi lửa rắn oán và sấm sét,
 Pháp hại đáng sợ, đây không sợ!
 Lửa rắn... chỉ hại mạng thế gian,
 Vô gián đáng sợ không do đây.
 Nếu người niệm niệm thờ bạn ác,
 Tà kiến, năm nghịch đoạn thiện căn,
 Nghĩ nên chóng lìa vô gián khổ,
 Chê pháp thì nhân nào giải thoát?
 Cõi báu như biết rõ đức nghiệp,
 Cú nghĩa ta nói là sinh thiện,

*Nhân theo nguyện này thấy Di-đà,
Do đặc tịnh nhĩn thành chánh giác.*

Tổng nghĩa mười bài kệ như vậy, vì làm rõ tổng nghĩa này mà trùng thuyết ba bài kệ.

*Từ đây và vì đây,
Do chỗ nói như vậy,
Lưu này nói bốn kệ,
Để hiển năm nghĩa trước.
Giữ phương tiện tự thân,
Cho nên nói hai Kệ,
Tổn pháp, nhân nói một,
Tổn pháp, quả nói hai.
Đến đại tập pháp nhĩn,
Chứng Vô thượng Bồ-đề,
Lược nói ba pháp này,
Là trùng thuyết thắng quả.*

Tam tạng Pháp sư dịch giảng luận xong, nói ba bài kệ này:

*Nếu suy rõ nghĩa luận,
Người trí tin Tam bảo,
Do hai căn, trí, tín,
Được nhập chân như quán.
Nên Ta theo bản ký,
Dịch giải nhiếp Đại thừa,
Phàm công đức có được,
Hồi hướng làm ba năng (năng học).
Cúng dường Phật, Pháp, Tăng,
Hàng phục kẻ tà hành,
Cứu bạt các khổ nạn,
Nguyện năng này vô cùng.*

